



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 10

Số 85 (15/10/2010)

MỤC LỤC

Ngày ban hành

Trích yếu nội dung

Trang

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|--|----|
| 05-10-2010 | - Quyết định số 72/2010/QĐ-UBND về việc bãi bỏ các văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định thủ tục hành chính áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ. | 3 |
| 05-10-2010 | - Quyết định số 73/2010/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện. | 5 |
| 05-10-2010 | - Quyết định số 4337/QĐ-UBND về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư - công viên giải trí Hiệp Bình Phước, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức. | 8 |
| 07-10-2010 | - Quyết định số 74/2010/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung quy định hạn mức vốn vay cho đối tượng có thu nhập thấp vay tiền tại Quỹ Phát triển nhà ở thành phố để tạo lập nhà ở. | 21 |

- 07-10-2010 - Quyết định số 4381/QĐ-UBND về duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, phạm vi hành lang an toàn đường sắt tại thành phố Hồ Chí Minh, nhằm thực hiện Quyết định số 1856/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ. 23

SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC

- 15-9-2010 - Công văn số 2542/SQHKT-QHKTT về việc hướng dẫn Điều chỉnh mẫu nhà trong các dự án nhà ở đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trên địa bàn TP.HCM. 27

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

- 28-9-2010 - Quyết định số 05/2010/QĐ-UBND về bãi bỏ văn bản. 36
- 29-9-2010 - Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND về việc sửa đổi khoản 4, mục I Chỉ thị số 02/2010/CT-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 8 về tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với sông, kênh, rạch, hồ công cộng và trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn quận 8. 39

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

- 27-9-2010 - Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ban hành Quy chế về hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm. 41

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 72/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH**Về việc bãi bỏ các văn bản của Ủy ban nhân dân
thành phố Hồ Chí Minh quy định thủ tục hành chính
áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện
trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-UBND-ĐA30 ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6120/TTr-TNMT-VP ngày 23 tháng 9 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ các văn bản quy định thủ tục hành chính áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện như sau:

Bãi bỏ thủ tục “Xác nhận bản vẽ hiện trạng nhà, đất”, mã số hồ sơ **138673** tại mục V Phần I Bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 73/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động
của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2010/TTLT-BTNMT-BNV ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ hướng dẫn nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về công tác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 73/2009/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chuyển nhiệm vụ, quyền hạn từ ngành tài chính sang ngành tài nguyên môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1311/TTr-SNV ngày 09 tháng 9 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện được quy định tại khoản 5 Điều 2 Chương II Quy chế (mẫu) tổ

chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện ban hành kèm theo Quyết định số 73/2009/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau: “Tham gia cùng các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng bảng giá các loại đất định kỳ hàng năm; tham gia thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật; tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện hoặc phối hợp các cơ quan có liên quan xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật”.

Điều 2. Bổ sung vào Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện nhiệm vụ, quyền hạn về công tác định giá đất như sau:

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức thực hiện bảng giá các loại đất trên địa bàn quận - huyện;

2. Tham gia cùng các cơ quan liên quan trong việc xây dựng bảng giá các loại đất, theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố; thực hiện việc điều tra, khảo sát giá đất, thống kê giá các loại đất; xây dựng, cập nhật thông tin giá đất, xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đất trên địa bàn quận - huyện;

3. Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận - huyện hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn xử lý vướng mắc về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; hướng dẫn xác định người sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ hoặc không được bồi thường, hỗ trợ;

4. Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện và các cơ quan chuyên môn có liên quan về thực hiện bảng giá các loại đất trên địa bàn quận - huyện;

5. Báo cáo Ủy ban nhân dân quận - huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường (Ban chỉ đạo xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố) theo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình xây dựng và thực hiện bảng giá các loại đất trên địa bàn quận - huyện.

Điều 3. Căn cứ Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo xây dựng và quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Các nội dung không đề cập tại Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 73/2009/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4337/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị
tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư - công viên giải trí
Hiệp Bình Phước, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam: QCXDVN 01:2008/BXD;

Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5287/QĐ-UB-QLĐT ngày 14 tháng 9 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch chung quận Thủ Đức;

Căn cứ Quyết định số 4041/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức;

Căn cứ Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư - công viên giải trí Hiệp Bình Phước, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2337/TTr-SQHKT ngày 27 tháng 8 năm 2010 về trình duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư - công viên giải trí Hiệp Bình Phước, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư - công viên giải trí Hiệp Bình Phước, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:

- Quy mô khu vực quy hoạch: 194 ha.

- Vị trí và giới hạn phạm vi quy hoạch: khu vực nghiên cứu quy hoạch thuộc Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước - quận Thủ Đức - thành phố Hồ Chí Minh. Giới hạn khu đất: ranh đồ án nghiên cứu quy hoạch được xác định trên cơ sở ranh khu dân cư công viên giải trí Hiệp Bình Phước - quận Thủ Đức đã được Kiến trúc sư trưởng thành phố phê duyệt theo Quyết định số 4052/KTST.TP ngày 15 tháng 11 năm 2001 và bản đồ vị trí khu đất tỷ lệ 1/2000 số 44SD/2002/ĐĐĐC-KT ngày 14 tháng 01 năm 2002 do Công ty TNHH đo đạc Kiến Thiết lập, có cập nhật sự thay đổi mép bờ cao sông Sài Gòn do sự bồi đắp và sạt lở bờ sông.

Ranh giới hạn khu vực quy hoạch được xác định bởi:

- + Phía Đông giáp khu dân cư hiện hữu.
- + Phía Đông Nam và Nam giáp khu dân cư hiện hữu.
- + Phía Tây, Tây Nam và Bắc giáp sông Sài Gòn.

2. Lý do và sự cần thiết phải lập đồ án quy hoạch:

- Khu dân cư - công viên giải trí Hiệp Bình Phước - quận Thủ Đức đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/2000 theo Quyết định số 4052/KTST.TP ngày 15 tháng 11 năm 2001 của Kiến trúc sư trưởng thành phố với dân số theo quy hoạch được duyệt là 18.000 dân, loại hình nhà ở chủ yếu là nhà thấp tầng theo dạng phân lô, do đó về lâu dài là chưa tiết kiệm quỹ đất xây dựng.

- Đáp ứng nhu cầu nhà ở tại khu vực, phục vụ nhu cầu giãn dân khu trung tâm hiện hữu của thành phố và định hướng phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn quận Thủ Đức trong giai đoạn tới phù hợp theo nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung quận Thủ Đức đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Điều chỉnh các loại hình nhà ở phù hợp với xu hướng phát triển hiện nay: giảm thiểu nhà phố phân lô, chuyển sang loại nhà chung cư cao tầng, giảm mật độ xây dựng, dành nhiều đất để tổ chức các không gian khu công viên cây xanh - công trình công cộng phục vụ cộng đồng dân cư, tăng hiệu quả sử dụng đất.

- Nghiên cứu giải pháp quy hoạch các hạng mục hạ tầng kỹ thuật kết nối với khu vực lân cận, cung cấp đến từng khu vực trong đồ án quy hoạch cho phù hợp định hướng điều chỉnh quy hoạch chung quận Thủ Đức.

3. Mục tiêu của đồ án quy hoạch:

- Xác định cơ cấu sử dụng đất, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với định hướng của nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung quận Thủ Đức và nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt.

- Định hướng về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại khu vực, làm cơ sở lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các dự án thành phần.

- Thay đổi cách thức tổ chức không gian: tránh sự đơn điệu trong các dự án phân lô nhà phố trước đây, tổ chức các khu ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ tại khu trung tâm, tạo điểm nhấn và sự sinh động cho khu đô thị.

- Hạn chế tổ chức xây dựng các loại nhà phố, nhà liên kế vườn kích thước chiều ngang nhỏ, chỉ bố trí các khu ở: nhà liên kế chiều rộng lớn, biệt thự vườn; các khu căn hộ chung cư cao tầng có tầm nhìn hướng ra sông Sài Gòn và khu công viên cảnh quan ở trung tâm khu dân cư phù hợp với cảnh quan khu vực ven sông Sài Gòn.

- Về công trình công cộng: quy hoạch các khu công trình công cộng, khu y tế, khu giáo dục, khu thương mại dịch vụ... nhằm phục vụ cộng đồng dân cư của dự án cũng như khu vực xung quanh của phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức.

- Về hạ tầng kỹ thuật: kết nối hạ tầng đồng bộ trong phạm vi khu quy hoạch và các khu lân cận ngoài quy hoạch.

4. Cơ cấu sử dụng đất các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

4.1. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)
A	Đất đơn vị ở	185,11	95,42
1	Đất nhóm ở	95,91	49,44
	- Đất nhóm ở cao tầng	49,46	
	- Đất nhóm ở thấp tầng	43,82	
	- Đất nhóm ở hiện hữu chính trang	2,63	
2	Đất công trình dịch vụ công cộng đơn vị ở	16,98	8,75
	- Đất giáo dục (trường mẫu giáo, phổ thông cấp 1 và 2)	12,15	
	- Đất hành chính	0,5	
	- Đất thương mại dịch vụ phức hợp	4,33	
3	Đất công viên cây xanh	32,60	16,80
	- Đất công viên cây xanh sử dụng công cộng	5,20	
	- Đất công viên cảnh quan ven sông, rạch	11,10	
	- Rạch và hồ điều tiết	16,30	
4	Đất giao thông	39,62	20,42
B	Đất ngoài đơn vị ở	8,89	4,58
1	Đất công trình trường cấp 3	2,00	
2	Đất công trình bệnh viện đa khoa	2,03	
3	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	1,81	
4	Đất cây xanh cách ly tuyến điện	3,05	
	Tổng cộng	194	100

4.2. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc	Ghi chú
1	Dân số dự kiến	người	45.000	
2	Mật độ xây dựng	%	30	
3	Tầng cao xây dựng	Tối đa	Tầng	21
		Tối thiểu	Tầng	1

4	Hệ số sử dụng đất		Khoảng 2,2	
5	Chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở	m ² /ng	41,14	
	+ Đất nhóm ở	m ² /ng	21,31	
	+ Đất công trình dịch vụ công cộng đơn vị ở	m ² /ng	3,77	Trong đó đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở: 2,7 m ² /người
	+ Đất công viên cây xanh - cảnh quan	m ² /ng	7,24	
	+ Đất giao thông	m ² /ng	8,8	
6	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
	+ Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày-đêm	180 - 200	
	+ Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày-đêm	180 - 200	
	+ Tiêu chuẩn cấp điện	kW/người/năm	2.500	
	+ Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường	kg/người/ngày - đêm	1,2	

5. Bố cục phân khu chức năng:

a) Nhóm ở: diện tích 95,91 ha

- Khu nhà ở hiện hữu chính trang:

+ Diện tích đất : 2,63 ha.

+ Tầng cao : 2 - 3 tầng.

- Khu nhà ở xây dựng mới, tổng diện tích đất: 93,28 ha.

* Chung cư cao tầng: diện tích 49,46 ha.

+ Mật độ xây dựng : 25 - 40% (trên lô đất xây dựng nhóm ở chung cư).

+ Tầng cao : tối đa 21 tầng.

* Nhà thấp tầng (nhà liên kế có sân vườn và biệt thự): diện tích 43,82 ha.

+ Mật độ xây dựng : 45 - 60% (riêng biệt thự tối đa 50% trên lô đất xây dựng).

+ Tầng cao : 2 - 3 tầng.

b) Công trình dịch vụ công cộng (cấp đơn vị ở và cấp đô thị): tổng diện tích 21,01 ha, trong đó:

Công trình giáo dục: tổng diện tích 14,15 ha, bố trí 12 trường học trong dự án, trong đó có 06 trường mẫu giáo - mầm non, 03 trường cấp 1, 02 trường cấp 2, 01 trường cấp 3:

- Đất trường mẫu giáo - mầm non: diện tích 3,74 ha.

+ Mật độ xây dựng : 25 - 30 %.

+ Tầng cao : 1 - 2 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất : tối đa 0,6.

- Đất trường cấp 1 - 2: diện tích 8,55 ha.

+ Mật độ xây dựng : 25 - 30 %.

+ Tầng cao : 3 - 4 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất : tối đa 1,2.

- Đất trường cấp 3: diện tích 2,0 ha.

+ Mật độ xây dựng : 25 - 30 %.

+ Tầng cao : 3 - 5 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất : tối đa 1,5.

Công trình thương mại dịch vụ: diện tích 4,33 ha.

+ Mật độ xây dựng : 40 - 50 %.

+ Tầng cao : 5 - 18 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất : tối đa 5.

Công trình bệnh viện đa khoa: diện tích 2,03 ha.

+ Mật độ xây dựng : 25 - 30 %.

+ Tầng cao : 5 - 18 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất : tối đa 4,5.

Các công trình công cộng khác:

Bố trí công trình hành chính phục vụ toàn khu, diện tích 0,5 ha. Ngoài ra, còn có các công trình công cộng trong các khu đất hỗn hợp, khôi để các khu chung cư (khi các chủ đầu tư triển khai dự án, cần yêu cầu bố trí thêm các loại hình công trình công

cộng như nhà trẻ - mẫu giáo, dịch vụ công cộng... bảo đảm phục vụ đủ cho nhu cầu của toàn bộ dự án).

c) Công viên cây xanh - cảnh quan: trong đó bao gồm cả diện tích cây xanh cảnh quan dọc sông, rạch và diện tích rạch, hồ, diện tích: 32,6 ha. Nấn tuyến, chỉnh dòng các rạch trong dự án, diện tích rạch bị lấp được thay thế bằng hồ điều tiết, bố trí trong khu công viên cây xanh trung tâm, nhằm tạo cảnh quan đẹp, tuy nhiên vẫn đảm bảo thoát nước cho khu vực dự án và xung quanh.

+ Mật độ xây dựng: tối đa 5% đối với các diện tích đất công viên cây xanh tập trung.

+ Tầng cao: tối đa 1 tầng.

6. Quy hoạch không gian kiến trúc - thiết kế đô thị:

6.1. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Về kiến trúc cảnh quan - thiết kế đô thị khu vực: lưu ý việc tổ chức kiến trúc cảnh quan dọc các trục đường chính và khu vực dọc các trục đường ven sông Sài Gòn của dự án; việc tổ chức không gian kiến trúc khu vực đề án cần theo định hướng chung sau: bố trí các công trình cao tầng dọc các trục giao thông chính - xung quanh khu công viên trung tâm dự án và không gian được tổ chức thấp dần về hướng bờ sông Sài Gòn; ưu tiên bố trí các cụm công trình có chức năng thương mại - dịch vụ (cao tầng) trong khu trung tâm và dọc các trục đường chính của đề án.

- Tận dụng triệt để cảnh quan dọc sông Sài Gòn và ven các rạch bố trí các công trình thấp tầng, mật độ thưa: hồ điều tiết được kết nối với sông Sài Gòn qua 2 nhánh rạch, kết hợp khu công viên trung tâm và cây xanh cảnh quan dọc rạch này tạo không gian mở xung quanh khu vực này, tạo thông thoáng cho toàn bộ dự án, đưa không khí mát của sông Sài Gòn vào từng nhóm ở, cải tạo vi khí hậu khu vực dự án. Tạo 2 trục cảnh quan dọc rạch và xung quanh khu công viên trung tâm, nhằm thiết lập 1 khu ở thân thiện với môi trường.

- Xác định khu trung tâm cấp đơn vị ở và 3 cụm nhóm ở theo từng loại hình nhà ở, đảm bảo hài hòa và bán kính phục vụ của các công trình dịch vụ công cộng, khu công viên cây xanh - sân chơi theo quy định.

- Việc nấn chỉnh tuyến rạch chính đi qua phạm vi đề án cho phù hợp cảnh quan toàn khu, trong khu công viên cây xanh trung tâm bố trí hồ điều tiết có diện tích tương ứng với diện rạch bị lấp trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo thoát nước cho khu vực theo văn bản số 2338/SGTCC-CTN ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Sở Giao thông vận tải.

- Giữ lại 01 khu dân cư tập trung ổn định, cải tạo mạng lưới giao thông thông suốt kết nối với toàn khu vực nghiên cứu, các khu lân cận và ngay trong từng ô phố.

- Tổ chức mạng lưới giao thông phù hợp với đô thị xây dựng mới, xây dựng mới các tuyến để nối kết các khu chức năng với nhau, đồng thời kết nối với 02 tuyến đường chính kết nối với Quốc lộ 13. Lối vào chính của khu vực gồm 2 đường, một đường rộng 35m, một đường rộng 30m, ngoài ra khu dân cư - công viên giải trí còn sử dụng giao thông đường sông, như một loại hình giao thông chính từ sông Sài Gòn. Cũng cố thêm đặc tính “trục xương sống trung tâm” bao gồm 2 trục đường chính từ Quốc lộ 13 vào khu đất dự án.

- Các công trình kiến trúc được thiết kế phù hợp cho từng chức năng, với hình thức kiến trúc đa dạng, hiện đại.

- Dọc trục lộ chính và khu vực, nhằm tạo được bộ mặt kiến trúc đa dạng, phong phú, ưu tiên bố trí các công trình công cộng, chung cư cao tầng.

- Đối với khu chung cư lô A12, nằm ở khu vực trung tâm dự án, tận dụng vị trí thuận lợi để bố trí 01 trục cảnh quan ở giữa khu đất, nối từ khu công viên cây xanh trung tâm và điểm kết thúc tại khu thương mại dịch vụ, kết hợp làm trục cảnh quan và quảng trường trung tâm, phố đi bộ cho dự án. Hai bên trục cảnh quan này bố trí các khu chung cư kết hợp thương mại cao tầng, tạo điểm nhấn cho khu vực, các công trình cao nhất của dự án được bố trí xung quanh trục này.

6.2. Thiết kế đô thị:

6.2.1. Theo đồ án đề xuất: (chưa được thể hiện trên bản vẽ).

6.2.2. Trong các giai đoạn tiếp theo, khi lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các dự án thành phần, có nghiên cứu thể hiện cho từng đơn vị ở, tập trung các công trình cao tầng trên các trục đường chính, trục thương mại dịch vụ của dự án:

+ Trong quá trình triển khai quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các dự án thành phần cần thực hiện theo định hướng không gian kiến trúc nêu trên, đảm bảo tính thống nhất trong bố trí không gian kiến trúc toàn khu.

+ Thực hiện theo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 và quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị được phê duyệt; các nhóm, khu nhà ở thuộc các dự án đầu tư xây dựng có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được duyệt thì thực hiện theo quy hoạch chi tiết được duyệt hoặc đề xuất điều chỉnh hoặc lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị cấp 2 được cấp thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

+ Về khoảng lùi công trình so với ranh lộ giới (chỉ giới xây dựng), sẽ được xác

định khi triển khai quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 hoặc các quy định về quản lý kiến trúc đô thị của cấp có thẩm quyền.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Quy hoạch giao thông:

Thống nhất các nội dung của đề án đề xuất:

+ Sơ đồ tổ chức mạng lưới đường nội bộ và định hướng kết nối với mạng lưới đường khu vực.

+ Lộ giới và quy mô mặt cắt ngang các tuyến đường trong khu quy hoạch.

Mạng lưới giao thông được tổ chức phù hợp và chia làm các loại đường có lộ giới khác nhau như sau:

BẢNG TỔNG HỢP ĐƯỜNG QUY HOẠCH

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (M)	BỀ RỘNG ĐƯỜNG (M)				LỘ GIỚI (M)
			VỈA HÈ TRÁI	MẶT ĐƯỜNG	VỈA HÈ PHẢI	PHÂN CÁCH	
1	ĐƯỜNG D 1	442	4.00	8.00	4.00		16.00
2	ĐƯỜNG D 2	803	5.00	15.00	5.00		25.00
3	ĐƯỜNG D 3	238	4.00	8.00	4.00		16.00
4	ĐƯỜNG D 4	1.177	5.00	15.00	5.00		25.00
5	ĐƯỜNG D 5	342	4.75	10.50	4.75		20.00
6	ĐƯỜNG D 6	557	4.75	10.50	4.75		20.00
7	ĐƯỜNG D 7	296	4.75	10.50	4.75		20.00
8	ĐƯỜNG D 8	260	4.75	10.50	4.75		20.00
9	ĐƯỜNG D 9	858,4	5.00	15.00	5.00		25.00
10	ĐƯỜNG D 10	398	4.75	10.50	4.75		20.00
11	ĐƯỜNG D 11	1.300	4.75	10.50	4.75		20.00
12	ĐƯỜNG D 12	603	4.75	10.50	4.75		20.00
13	ĐƯỜNG D 13	280	4.00	8.00	4.00		16.00
14	ĐƯỜNG D 14	553	4.00	8.00	4.00		16.00
15	ĐƯỜNG N 1	2.864,3	4.75	10.50	4.75		20.00
16	ĐƯỜNG N 2	1.151	4.75	10.50	4.75		20.00

17	ĐƯỜNG N 3	189	4.75	10.50	4.75		20.00
18	ĐƯỜNG N 4	244	4.00	8.00	4.00		16.00
19	ĐƯỜNG N 5	1.751	7.50	15.00	7.50		30.00
20	ĐƯỜNG N 6	210	4.00	8.00	4.00		16.00
21	ĐƯỜNG N 7	189	3.50	7.00	3.50		14.00
22	ĐƯỜNG N 8	1.484	7.00	18.00	7.00	3.00	35.00
23	ĐƯỜNG N 9	698	5.00	15.00	5.00		25.00
24	ĐƯỜNG N 10	338,6	5.00	15.00	5.00		25.00
25	ĐƯỜNG N 11	672,4	3.50	7.00	3.50		14.00
26	ĐƯỜNG N 12	174,7	3.50	7.00	3.50		14.00
27	ĐƯỜNG N 13	384	3.50	7.00	3.50		14.00
28	ĐƯỜNG N 14	895,5	3.50	7.00	3.50		14.00
29	ĐƯỜNG N 15	216	4.00	8.00	4.00		16.00

Lưu ý:

- Bán kính cong tại các giao lộ và phần chỉ giới xây dựng sẽ được nghiên cứu xác định cụ thể khi có thiết kế đô thị hoặc khi khai triển các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, dự án cụ thể.

- Vạt góc tại các giao lộ cần thực hiện theo quy định để đảm bảo an toàn giao thông.

7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

+ Cao độ nền thiết kế tối thiểu là + 2,20m (hệ cao độ VN2000).

+ Phần lớn khu đất có nền đất thấp, do đó cần san lấp khu vực đến cao độ thiết kế để bảo đảm thoát nước mưa và chống ngập.

+ Hướng đổ dốc: từ giữa khu đất ra xung quanh.

+ Sử dụng hệ thống cống ngầm để tổ chức thoát nước mưa triệt để, tránh ngập úng cục bộ.

+ Hướng thoát nước: về phía sông Sài Gòn và hồ điều tiết trong khu vực.

+ Cống thoát nước mưa được bố trí dọc theo các trục đường.

+ Nổi công theo nguyên tắc ngang đỉnh; độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,70m; chu kỳ tràn cống P = 3 năm.

7.3. Quy hoạch cấp điện:

- + Chỉ tiêu cấp điện: 2.500 kWh/người/năm.
- + Nguồn điện được cấp từ trạm 110/15-22kV Bình Triệu, dài hạn sẽ bổ sung từ trạm 220/110/15-22kV Hiệp Bình Phước xây dựng mới trong khu quy hoạch.
- + Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4kV, sử dụng máy biến áp 3 pha, dung lượng $\geq 400\text{kVA}$, loại trạm phòng, trạm đơn thân.
- + Xây dựng mới mạng trung và hạ thế cấp điện cho khu quy hoạch, sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE, tiết diện dây phù hợp, chôn ngầm trong đất.
- + Hệ thống chiếu sáng dùng đèn cao áp sodium 150 ÷ 250W - 220V, có chóa và cần đèn đặt trên trụ thép tráng kẽm.

7.4. Quy hoạch cấp nước:

- + Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước máy thành phố dựa vào tuyến ống $\Phi 500$ hiện hữu trên Quốc lộ 13 thuộc hệ thống Nhà máy nước Thủ Đức.
- + Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 180 - 200 (lít/người/ngày/đêm).
- + Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy: 25 lít/s cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 02 đám cháy theo TCVN 2622-1995.
- + Tổng nhu cầu dùng nước: 16.200 (m^3 /ngày).
- + Phương án cấp nước chữa cháy: bố trí các trụ cứu hỏa trên mạng lưới cấp nước với khoảng cách 150 m/trụ.
- + Phương án bố trí thiết kế mạng lưới cấp nước.

7.5. Quy hoạch thoát nước bản, rác thải và vệ sinh môi trường:**a) Thoát nước bản:**

- + Giải pháp thoát nước bản: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, nước thải được thu gom về 02 trạm xử lý nước thải cục bộ công suất 7.920 (m^3 /ngày) và 5.040 (m^3 /ngày) xử lý đạt tiêu chuẩn loại A - TCVN 5945:2005 trước khi xả ra rạch.
- + Tiêu chuẩn thoát nước sinh hoạt: 180 - 200 (lít/người/ngày/đêm).
- + Tổng lưu lượng nước thải toàn khu: 12.960 (m^3 /ngày).
- + Phương án bố trí thiết kế mạng lưới thoát nước bản.

b) Rác thải và vệ sinh môi trường:

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc thống nhất về các nội dung như sau:

+ Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 1,2 kg/người/ngày.

+ Tổng lượng rác thải sinh hoạt: 54 tấn/ngày.

+ Phương án thu gom và xử lý rác: rác thải được thu gom mỗi ngày và vận chuyển về các khu liên hiệp xử lý rác của thành phố.

7.6. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống: Việc bố trí các hệ thống hạ tầng kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật.

8. Các điểm lưu ý quan trọng khác:

- Lập quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Về kiến trúc cảnh quan - thiết kế đô thị khu vực: khi lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các dự án thành phần, cần lưu ý việc tổ chức kiến trúc cảnh quan dọc các trục đường chính và khu vực dọc các trục đường ven sông Sài Gòn của đồ án này; việc tổ chức không gian kiến trúc khu vực đồ án cần theo định hướng chung sau: bố trí các công trình cao tầng dọc các trục giao thông chính - xung quanh khu công viên trung tâm dự án và không gian được tổ chức thấp dần về hướng bờ sông Sài Gòn; ưu tiên bố trí các cụm công trình có chức năng thương mại - dịch vụ (cao tầng) trong khu trung tâm và dọc các trục đường chính của đồ án. Cần lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị để trình cấp thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

- Xác định khu trung tâm cấp đơn vị ở và các cụm nhóm ở theo từng loại hình nhà ở, đảm bảo hài hòa và bán kính phục vụ của các công trình dịch vụ công cộng, khu công viên cây xanh - sân chơi theo quy định.

- Về phân bố chủng loại nhà ở và việc phân phối cần thực hiện theo các quy định của Luật Nhà ở và theo các quy định hiện nay.

- Hiện nay hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận Thủ Đức đang trong quá trình thiết lập thẩm định, chưa được phê duyệt, trong quá trình lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu), Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cần cập nhật những thay đổi (nếu có) vào đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận Thủ Đức.

- Đối với các khu đất dọc các sông rạch, cần phải tuân thủ quy định về chi giới sông, rạch và không được xây dựng công trình kiến trúc theo quy định trong phạm vi này. Đối với hành lang bờ sông, rạch cần tuân thủ theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố. Việc san lấp

sông, rạch trong khu vực lập quy hoạch cần có thỏa thuận của các cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Về chiều cao xây dựng công trình trong khu quy hoạch: thực hiện theo Công văn số 449/Tg1-QC ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu về chấp thuận chiều cao tầng không xây dựng công trình chung cư cao tầng và theo Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam. Do khu vực dự án nằm ngay dưới trục hạ, cất cánh của sân bay Tân Sơn Nhất, do đó, khi triển khai các công trình xây dựng cao tầng trong phạm vi dự án phải có ý kiến của Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu (Bộ Quốc phòng) cho từng công trình cụ thể.

Điều 2. Trên cơ sở đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) được duyệt, Công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Vạn Phúc cần lập quy định quản lý theo đồ án đã được phê duyệt, lập quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, đồng thời phối hợp các chủ đầu tư dự án thứ cấp và đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cho từng khu vực đất được giao, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định; thực hiện việc quản lý đầu tư - xây dựng trong khu vực đồ án theo quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Vạn Phúc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước và Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 74/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về sửa đổi, bổ sung quy định hạn mức vốn vay cho đối tượng có thu nhập thấp
vay tiền tại Quỹ Phát triển nhà ở thành phố để tạo lập nhà ở**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 04 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Quỹ Phát triển nhà ở thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 128/2005/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển nhà ở thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 557/TB-VP ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về xử lý vướng mắc trong quá trình hoạt động của Quỹ Phát triển nhà ở thành phố;

Căn cứ Tờ trình số 778/QPTNO-VB ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Giám đốc Quỹ Phát triển nhà ở thành phố về việc tăng hạn mức vốn vay cho người thu nhập thấp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung hạn mức vốn vay cho đối tượng có thu nhập thấp vay tiền tại Quỹ Phát triển nhà ở thành phố để tạo lập nhà ở như sau:

Hạn mức vốn vay từ năm 2010 trở về sau được tăng từ 300 triệu đồng lên 400 (bốn trăm) triệu đồng/ 01 hồ sơ với thời hạn cho vay tối đa là 15 (mười lăm) năm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Quyết

định này không áp dụng đối với trường hợp đối tượng đã được giải quyết hồ sơ vay trước ngày Quyết định này có hiệu lực.

Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2005; Công văn số 5213/UBND-ĐT ngày 24 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố, Quyết định số 91/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển nhà ở thành phố, Giám đốc Quỹ Phát triển nhà ở thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4381/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, phạm vi hành lang an toàn đường sắt tại thành phố Hồ Chí Minh, nhằm thực hiện Quyết định số 1856/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đường sắt số 35/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Quyết định số 1856/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch lập lại trật tự hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt;

Căn cứ Công văn số 1665/TTg-CN ngày 17 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện quản lý công tác giải phóng mặt bằng;

Căn cứ Quyết định số 662/BGTVT-CGD ngày 30 tháng 01 năm 2008 của Bộ Giao thông vận tải về thực hiện công tác giải phóng mặt bằng;

Căn cứ Công văn số 9204/BGTVT-KHĐT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải về đền bù giải tỏa vi phạm hành lang an toàn đường sắt theo Kế hoạch 1856;

Căn cứ Tờ trình 1638/TTr-ĐS ngày 21 tháng 7 năm 2010 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, phạm vi hành lang an toàn đường sắt tại thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 45/TTr-SGTVT ngày 15 tháng 9 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, phạm vi hành lang an toàn đường sắt tại thành phố Hồ Chí Minh, nhằm thực hiện Quyết định số 1856/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ với nội dung chủ yếu như sau:

1. Nội dung công việc: Cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, phạm vi hành lang an toàn đường sắt tại thành phố Hồ Chí Minh nhằm thực hiện Quyết định số 1856/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch lập lại trật tự hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt.

2. Địa điểm:

- Quận Thủ Đức: các phường Linh Đông, Linh Tây và Hiệp Bình Chánh.
- Quận Bình Thạnh: các phường 11 và 13.
- Quận Gò Vấp: các phường 1, 3, 4 và 5.
- Quận Phú Nhuận: các phường 4, 5, 8, 9, 10, 11 và 13.
- Quận 3: các phường 9, 11 và 12.

3. Chủ đầu tư: Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

4. Phạm vi thực hiện cấm mốc chỉ giới:

- Tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh:
 - + Điểm đầu: Km 1712+205 (ranh giới giữa tỉnh Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh).
 - + Điểm cuối: hết phạm vi ga Sài Gòn.
 - + Tổng chiều dài đường sắt: 14,54 Km (cả đường vào khu đầu máy toa xe Sài Gòn).
 - + Số nhà ga: 03 ga (Bình Triệu, Gò Vấp, Sài Gòn).

5. Vị trí, quy cách, khối lượng:

5.1. Vị trí cấm mốc chỉ giới:

- Trên đường sắt chính tuyến: hai bên đường sắt tính từ mép chân nền đường đắp, mép đỉnh mái đường đào, mép ray ngoài cùng của đường không đào, không đắp trở ra mỗi bên là 15m.

- Tại vị trí cầu:

+ Cầu cạn và cầu vượt sông trong đô thị có chiều dài dưới 20m, tính từ mép lan can ngoài cùng trở ra mỗi bên là 5m;

+ Cầu vượt sông trong đô thị có chiều dài từ 20m trở lên và cầu ngoài đô thị, tính từ mép ngoài cùng của kết cấu cầu trở ra mỗi bên là 20m đối với cầu dài dưới 20m; 50m đối với cầu dài từ 20m đến dưới 60m; 100m đối với cầu dài từ 60m đến 300m; 150m đối với cầu dài trên 300m.

- Trong phạm vi của ga: tính từ mép ray ngoài cùng trở ra mỗi bên là 2m đối với đường sắt trong ga, trong cảng, trong tường rào.

- Cự ly cắm mốc chỉ giới: khoảng cách giữa các cọc mốc chỉ giới là 100m (có thể thay đổi cho phù hợp với địa hình nhưng không quá 200m).

5.2. Quy cách về mốc:

- Cọc hình vuông bằng bê tông cốt thép, kích thước (0,15m x 0,15m).

- Chiều cao: từ mặt đất trở lên là 0,6 m.

- Chôn sâu: 0,7m.

5.3. Khối lượng cọc mốc: thuộc phạm vi thực hiện dự án, tổng số là 255 cọc mốc.

6. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước theo Quyết định số 1856/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Hình thức quản lý: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

8. Thời gian thực hiện: năm 2010.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các quận 3, quận Phú Nhuận, quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp, quận Thủ Đức có trách nhiệm phối hợp với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam trong quá trình cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, phạm vi hành lang an toàn đường sắt tại từng địa bàn cụ thể do mình quản lý.

2. Về khối lượng cọc mốc và khoảng cách giữa các cọc mốc theo phương án được duyệt chỉ là tạm tính và được phép thay đổi cho phù hợp với thực tế từng nơi.

3. Mọi sự thay đổi cần thiết đều phải được trình duyệt bổ sung theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, cơ quan Chủ đầu tư, các tổ chức quản lý dự án và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2542/SQHKT-QHKT
Về việc hướng dẫn Điều chỉnh mẫu
nhà trong các dự án nhà ở đã được
phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ
1/500 trên địa bàn TP.HCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2010

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các quận, huyện

Căn cứ chỉ đạo của UBND.TP tại Công văn số 7319/VP-ĐTMT ngày 03 tháng 10 năm 2009 giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc nghiên cứu ý kiến của Sở Tư pháp để có văn bản hướng dẫn UBND các quận, huyện và các cơ quan liên quan xem xét giải quyết việc điều chỉnh mẫu nhà trong các dự án nhà ở đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây tỷ lệ 1/500 trên địa bàn thành phố.

Sở Quy hoạch - Kiến trúc xin có ý kiến hướng dẫn về việc Điều chỉnh mẫu nhà trong các dự án nhà ở đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trên địa bàn TP.HCM như sau:

1. Mục đích:

Nhằm đáp ứng nhu cầu về điều chỉnh mẫu nhà của các chủ đầu tư riêng lẻ (cá nhân hay tổ chức đã nhận chuyển nhượng nền đất) trong các dự án nhà ở có đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và dự án phân lô hộ lẻ được phê duyệt trước ngày Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 (viết tắt là NĐ 181) hướng dẫn thi hành Luật Đất Đai có hiệu lực (do các dự án thực hiện theo NĐ 181, chủ đầu tư dự án phải xây dựng công trình trước khi chuyển nhượng), đồng thời vẫn đảm bảo được tính thống nhất về bố cục không gian kiến trúc của từng dãy, cụm công trình (bao gồm cả các công trình đã xây dựng và dự kiến xây dựng) trong dự án, không làm thay đổi loại hình công trình đã được phê duyệt.

2. Đối tượng xem xét điều chỉnh:

Các công trình dạng nhà liên kế (bao gồm cả liên kế có khoảng lùi) hoặc biệt thự (kể cả biệt thự song lập) dự kiến xây dựng trên các lô đất có pháp lý quy hoạch và đất đai như sau:

- Thuộc các dự án nhà ở đã có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và dự án phân lô hộ lẻ được duyệt trong khu chức năng là khu dân cư hiện hữu theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000.

- Thuộc các dự án nhà ở đã được cơ quan có thẩm quyền giao đất trước ngày ND 181 có hiệu lực và đã được tách, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Nội dung xem xét điều chỉnh:

Thiết kế điều chỉnh mẫu nhà phải đảm bảo Quy chuẩn xây dựng. Các nội dung điều chỉnh căn cứ theo phụ lục đính kèm công văn này.

4. Thẩm quyền xem xét điều chỉnh:

Chủ tịch UBND quận, huyện là người có thẩm quyền xem xét giải quyết, thẩm định và phê duyệt việc điều chỉnh mẫu nhà.

5. Quy trình xem xét điều chỉnh:

Các chủ đầu tư riêng lẻ có yêu cầu điều chỉnh mẫu nhà lập hồ sơ nộp tại UBND quận, huyện để được xem xét giải quyết. Hồ sơ bao gồm mẫu nhà theo quy hoạch đã được duyệt và mẫu nhà đề xuất điều chỉnh. Trường hợp hồ sơ đảm bảo các yêu cầu theo quy định, UBND quận, huyện có văn bản chấp thuận điều chỉnh mẫu nhà đính kèm bản vẽ.

6. Các trường hợp khác:

Đối với các trường hợp dự án phân lô hộ lẻ đã được Kiến trúc sư trưởng thành phố phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trước ngày Luật Xây dựng có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2004) nhưng xây dựng sai quy hoạch, sai thiết kế xây dựng đã được phê duyệt, chưa đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo dự án gây khó khăn vướng mắc trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và quyền sử dụng đất ở tại 24 quận, huyện. Theo chỉ đạo của UBND.TP tại Thông báo số 103/TB-VP ngày 27 tháng 02 năm 2009, Sở Xây dựng sẽ chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Thanh tra thành phố rà soát, tổng hợp và đề xuất hướng giải quyết (theo hướng phân nhóm các trường hợp vi phạm) để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người dân và phù hợp quy định pháp luật về xây dựng.

Các dự án nhà ở được UBND.TP giao đất sau ngày NĐ 181 có hiệu lực (ngày 16 tháng 11 năm 2004) thì chủ đầu tư phải xây dựng đúng mẫu nhà đã được thẩm định thiết kế và phù hợp với định hướng không gian kiến trúc cảnh quan đã được cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500. Nếu chủ đầu tư có nhu cầu thay đổi thiết kế mẫu nhà thì cần lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 để được cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Trên đây là các ý kiến hướng dẫn của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về việc điều chỉnh mẫu nhà trong các dự án có đồ án QHCT tỷ lệ 1/500 và dự án phân lô hộ lẻ được phê duyệt trên địa bàn thành phố để UBND quận, huyện có cơ sở thực hiện một cách thống nhất theo đúng quy định của pháp luật./.

GIÁM ĐỐC

Trần Chí Dũng

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH MẪU NHÀ

(Ban hành kèm theo Công văn số 2542/SQHKT-QHKTT ngày 15 tháng 9 năm 2010)

Các nội dung điều chỉnh mẫu nhà dưới đây (đối với công trình thuộc các dự án đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và dự án phân lô hộ lẻ được phê duyệt trước ngày NĐ 181 hướng dẫn thi hành Luật Đất đai có hiệu lực (ngày 16 tháng 11 năm 2004)) được phép thực hiện không cần phê duyệt lại mẫu nhà mới (không được phép thay đổi loại hình công trình).

A. Các nội dung điều chỉnh:

- Thêm tầng lửng.
- Hình thành phòng áp mái.
- Thêm tầng hầm hoặc bán hầm.
- Điều chỉnh mật độ xây dựng (không quá 5% so với MĐXD đã được phê duyệt trong QHCT 1/500).
- Thay đổi phong cách kiến trúc.
- Ghép 2 hay nhiều nền dự án riêng lẻ thành một nền.

B. Giới hạn điều chỉnh:

Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc sau khi điều chỉnh không được vượt quá các nội dung quy định sau:

1. Dạng nhà biệt thự

a) Mật độ xây dựng tối đa:

- Đối với hình thức biệt thự đơn lập: 50%.
- Đối với hình thức biệt thự song lập: 55%.

b) Tầng cao tối đa:

Quy mô tầng cao nhà biệt thự: tối đa 3 tầng (không bao gồm tầng lửng, tầng hầm. Có bao gồm tầng nửa hầm, tầng áp mái, mái che cầu thang).

- Trường hợp công trình thêm tầng hầm (số tầng phía trên không thay đổi so với quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt), phải đảm bảo theo quy định sau:

+ Phần nổi của tầng hầm (tính đến sàn tầng trệt) không quá 1,2m so với cao độ vỉa hè hiện hữu ổn định và không quá ½ chiều cao tầng hầm.

+ Vị trí đường xuống hầm (ramp dốc) cách ranh lộ giới tối thiểu 3m.

c) Chiều cao tối đa:

- Cao độ chuẩn tại vị trí diềm mái công trình (trong trường hợp công trình xây dựng có mái ngói) hoặc tại vị trí tầng 3 (trong trường hợp công trình xây dựng theo hình thức mái bằng): 13m.

- Chiều cao tối đa (tại đỉnh mái ngói hoặc mái che cầu thang): 16m.

d) Khoảng lùi xây dựng công trình:

- Khoảng lùi xây dựng công trình so với ranh đất xung quanh tối thiểu 2m (tính đến mép ngoài ban công - nếu có).

- Trường hợp biệt thự song lập, mặt xây giáp ranh đất cần tuân thủ đúng theo quy định tại đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được duyệt.

- Khoảng lùi xây dựng công trình so với ranh lộ giới đường sẽ do cơ quan cấp phép xây dựng xem xét cụ thể trên cơ sở quy định tại đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được duyệt. Trường hợp cần thiết điều chỉnh cần thống nhất khoảng lùi với các công trình cùng loại kế cận và không được nhỏ hơn 3m.

2. Dạng nhà liên kế phố:

a) Mật độ xây dựng tối đa:

- Mật độ xây dựng tối đa dạng nhà liên kế phố áp dụng theo bảng dưới đây:

Diện tích lô đất (m²/căn nhà)	75	100	200	300	500	1000
Mật độ xây dựng tối đa (%)	90	85	80	75	70	65

- Trường hợp lô đất tiếp giáp 2 đường trở lên thì mật độ xây dựng được tăng thêm không quá 5% (trừ trường hợp diện tích lô đất dưới 50m²).

b) Tầng cao tối đa:

- Quy mô tầng cao nhà liên kế phố: theo bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được các cấp thẩm quyền phê duyệt (không bao gồm tầng hầm, tầng lửng. Có bao gồm tầng nửa hầm, tầng áp mái, mái che cầu thang).

- Trường hợp công trình thêm tầng hầm (số tầng phía trên không thay đổi so với quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt), phải đảm bảo theo quy định sau:

+ Phần nổi của tầng hầm (tính đến sàn tầng trệt) không quá 1,2m so với cao độ vỉa hè hiện hữu ổn định.

+ Vị trí đường xuống hầm (ramp dốc) cách ranh lộ giới tối thiểu 3m.

c) Chiều cao tối đa:

- Cao độ chuẩn tại vị trí diềm mái công trình (trong trường hợp công trình xây dựng có mái ngói) hoặc tại vị trí sàn mái tầng trên cùng (trong trường hợp công trình xây dựng theo hình thức mái bằng) và chiều cao tối đa công trình (tại đỉnh mái ngói hoặc mái che cầu thang) sẽ được cơ quan cấp phép xây dựng xem xét cụ thể trên cơ sở các số liệu đã được quy định theo bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được duyệt, thực tế xây dựng, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành, tạo được sự đồng bộ với các công trình lân cận.

d) Khoảng lùi xây dựng công trình:

Khoảng lùi xây dựng công trình so ranh đất còn lại của từng lô đất xác định theo bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt.

3. Dạng nhà liên kế có sân vườn:

a) Mật độ xây dựng tối đa:

- Áp dụng theo Bảng 2.6 (Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng).

Diện tích lô đất (m²/căn nhà)	100	200	300	500	≥ 1.000
Mật độ xây dựng tối đa (%)	80	70	60	50	40

b) Tầng cao tối đa:

- Quy mô tầng cao nhà liên kế có sân vườn: theo bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được các cấp thẩm quyền phê duyệt (không kể tầng lửng, tầng hầm, kể cả tầng nửa hầm, tầng áp mái, mái che cầu thang).

- Trường hợp công trình thêm tầng hầm (số tầng phía trên không thay đổi so với quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt), phải đảm bảo theo quy định sau:

+ Phần nổi của tầng hầm (tính đến sàn tầng trệt) không quá 1,2m so với cao độ vỉa hè hiện hữu ổn định.

+ Vị trí đường xuống hầm (ramp dốc) cách ranh lộ giới tối thiểu 3m.

c) Chiều cao tối đa:

- Cao độ chuẩn tại vị trí diềm mái công trình (trong trường hợp công trình xây dựng có mái ngói) hoặc tại vị trí sàn mái tầng trên cùng (trong trường hợp công trình xây dựng theo hình thức mái bằng) và chiều cao tối đa công trình (tại đỉnh mái ngói

hoặc mái che cầu thang) sẽ được cơ quan cấp phép xây dựng xem xét cụ thể trên cơ sở các số liệu đã được quy định theo bản đồ QHCT xây dựng tỷ lệ 1/500 được duyệt, thực tế xây dựng, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành, tạo được sự đồng bộ với các công trình lân cận.

d) Khoảng lùi xây dựng công trình:

- Khoảng lùi xây dựng công trình so với ranh lộ giới đường và các ranh đất còn lại (nếu có) xác định theo bản đồ quy hoạch chỉ giới xây dựng hoặc bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (cơ quan cấp phép xây dựng xem xét cụ thể trên cơ sở thống nhất khoảng lùi với các công trình cùng loại kế cận nhưng khoảng lùi trước không được nhỏ hơn 3m và khoảng lùi sau không nhỏ hơn 2m).

C. Các trường hợp đặc biệt:

1. Công trình (thuộc các dự án đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500) nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ sông, rạch trước thời điểm Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của UBND.TP có hiệu lực hoặc xin dự án:

Các trường hợp điều chỉnh mẫu nhà nêu trên phải giữ nguyên các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc theo mẫu nhà đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, có thể thay đổi phong cách kiến trúc nhưng phải đảm bảo hài hòa với kiến trúc khu vực xung quanh.

Đối với công trình đã hoàn tất việc xây dựng khác với mẫu nhà đã được duyệt thuộc các dự án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã triển khai thực hiện và bàn giao cơ sở hạ tầng của dự án cho các cấp thẩm quyền trước thời điểm Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của UBND thành phố có hiệu lực, được phép giữ lại theo quy định.

2. Trường hợp mẫu nhà tại các góc đường:

Đối với những trường hợp điều chỉnh mẫu nhà ở riêng lẻ tại các lô đất (căn bìa) tiếp giáp hai mặt đường thuộc dự án đã có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, không có mẫu nhà riêng và sử dụng chung mẫu nhà như các căn bên trong, dẫn đến tình trạng mặt hông phía tiếp giáp đường không được mở cửa và ban công. Để phù hợp với thực tế sử dụng và mỹ quan khu vực, Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất đối với những trường hợp này có thể xem xét, cho phép mở cửa và ban công tại mặt hông phía tiếp giáp đường phù hợp với Quy chuẩn xây dựng 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng.

3. Đối với các khu cư xá đã được xây dựng với hình thức kiến trúc tương đối đồng bộ và ổn định về kiến trúc:

Các khu vực này được xem như đã có quy hoạch chi tiết tương đối ổn định, UBND các quận, huyện cần nghiên cứu ban hành quy chế quản lý kiến trúc cho các khu vực này nhằm quản lý xây dựng một cách đồng bộ bộ mặt kiến trúc tại các khu vực này. Trong trường hợp cần thiết, UBND các quận, huyện cần phối hợp về mặt chuyên môn với Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

D. Cơ sở pháp lý điều chỉnh:

- Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;
- Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Quyết định số 42/2005/QĐ-BXD ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành TCXDVN 353:2005 “Nhà ở liên kế - Tiêu chuẩn thiết kế”;
- Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của UBND.TP về việc “Ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”;
- Căn cứ Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2009 của UBND.TP “Quy định về diện tích đất tối thiểu sau khi tách thửa”;
- Căn cứ Thông tư số 33/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc ban hành chuẩn QLVN 03:2009/BXD về phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Công văn số 40/2009/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Bộ Xây dựng về quy định việc áp dụng tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam và Công văn số 1686/SXD-CPXD ngày 09 tháng 3 năm 2010 của Sở Xây dựng về việc thực hiện Thông tư số 33/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2009;
- Quy hoạch chung và định hướng thiết kế đô thị tại khu vực;
- Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 tại khu vực, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của các dự án nhà ở có mẫu nhà dự kiến điều chỉnh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2010/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 28 tháng 9 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Về bãi bỏ văn bản**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 134/TTr-TP ngày 21 tháng 9 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 03 văn bản của Ủy ban nhân dân quận 8 ban hành do không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (đính kèm danh mục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 8, Thủ trưởng các phòng, ban

chuyên môn thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Chung

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2010/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 8)*

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	NỘI DUNG VĂN BẢN
1	61/2005/QĐ-UBND	31/5/2005	Quyết định v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 8.
2	65/2005/QĐ-UBND	06/6/2005	Quyết định v/v ban hành Quy định về phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động trong khu vực kinh tế hợp tác xã trên địa bàn quận 8.
3	34/2006/QĐ-UBND	18/9/2006	Quyết định v/v ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận 8 theo cơ chế “một cửa một dấu”

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2010/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 29 tháng 9 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi khoản 4, mục I Chỉ thị số 02/2010/CT-UBND
ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 8 về tăng cường
công tác quản lý Nhà nước đối với sông, kênh, rạch, hồ công cộng và trật tự
an toàn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn quận 8**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 8 và thẩm định của Trưởng Phòng Tư pháp quận 8 tại Báo cáo số 100/BC-TP ngày 29 tháng 9 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi khoản 4, mục I Chỉ thị số 02/2010/CT-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 8 về tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với sông, kênh, rạch, hồ công cộng và trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn quận 8, như sau:

Công an quận 8 không giải quyết cấp hộ khẩu cho các hộ lấn chiếm, xây dựng trái phép trên đất ven sông, kênh, rạch, hồ trong phạm vi hành lang bảo vệ bờ. Chỉ đạo Công an phường phối hợp Thanh tra Xây dựng quận 8 và các ngành chức năng kiểm tra, xử lý việc xây dựng bất hợp pháp, lấn chiếm kênh, rạch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Chung

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2010/QĐ-UBND

Gò Vấp, ngày 27 tháng 9 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng
đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ
Công an nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003; Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 43/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Công an nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 134/TTr-PTP ngày 17 tháng 9 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm.

Điều 2.

2.1. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

2.2. Thay thế Quyết định số 01/2007/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc ban hành Quy chế hỗ trợ chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân, cơ quan phòng chống tham nhũng trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm; Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc sửa đổi, bổ sung và công bố Quy định hỗ trợ chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân, cơ quan phòng chống tham nhũng trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm.

2.3. Đối với nội dung quy định về đối tượng, nguyên tắc, thẩm quyền, quy trình, hình thức và thủ tục khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng xảy ra tại địa phương, cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn quận Gò Vấp được thực hiện theo Quyết định số 39/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quy chế về bảo vệ và khen thưởng người phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Công an quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Văn Non

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Về hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng
đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ
Công an nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về đối tượng, nguyên tắc, thẩm quyền, quy trình, hình thức và thủ tục về hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội tại địa phương trên địa bàn quận Gò Vấp.

Điều 2. Mục đích của việc hỗ trợ chế độ, chính sách, khen thưởng

1. Phát huy sức mạnh của toàn dân trong việc tấn công, trấn áp và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội làm mất an ninh, trật tự trên địa bàn và ảnh hưởng đến an sinh xã hội của nhân dân.

2. Ghi nhận, biểu dương, tôn vinh và khuyến khích bằng lợi ích tinh thần và vật chất cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Điều 3. Cơ quan tiếp nhận thông tin và thụ lý giải quyết; cơ quan đề xuất hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng; cơ quan giám định, xác định mức độ thiệt hại (gọi chung là cơ quan có thẩm quyền)

1. Cơ quan tiếp nhận thông tin và thụ lý giải quyết: cơ quan Công an quận Gò Vấp là cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội quận và Công an 16 phường (gọi tắt là cơ quan thụ lý).

2. Cơ quan đề nghị hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng: cơ quan Công an quận và Công an 16 phường.

3. Cơ quan giám định, xác định mức độ thiệt hại về tài sản, thương tích, tổn hại về sức khỏe: Bệnh viện quận và cơ quan Công an quận.

Điều 4. Đối tượng và nguyên tắc hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng

1. Đối tượng bao gồm tất cả các tổ chức, tập thể, cá nhân có công trong việc cung cấp thông tin giúp lực lượng Công an điều tra, khám phá các vụ án hình sự, kinh tế hoặc trực tiếp tham gia vây bắt đối tượng có hành vi phạm tội quả tang được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận thành tích, xác định mức độ thiệt hại về tài sản, mức độ thương tích và tổn hại về danh dự, sức khỏe, tính mạng và có đề xuất hỗ trợ chế độ, chính sách, khen thưởng.

2. Việc hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong phòng ngừa các loại tội phạm, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

2.1. Khen thưởng bằng việc động viên tinh thần và khuyến khích bằng vật chất. Tùy theo tính chất phức tạp của vụ việc, kết quả thu hồi về mặt kinh tế, giá trị nội dung nguồn tin cung cấp mà áp dụng hình thức và mức khen thưởng khác nhau.

2.2. Việc hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng có thể được áp dụng nhiều lần cho một đối tượng.

2.3 Thực hiện kịp thời, chính xác, hiệu quả, công bằng trong việc hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong phòng ngừa các loại tội phạm, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Điều 5. Điều kiện hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tham gia, phối hợp, cộng tác giúp đỡ Công an nhân dân phải nêu rõ họ, tên, địa chỉ, nội dung cụ thể nguồn tin, quá trình diễn biến khi trực tiếp tham gia vây bắt đối tượng có hành vi phạm tội quả tang và cung cấp chứng cứ, thông tin, tài liệu... có liên quan đến tội phạm.

2. Thông tin do người phát hiện cung cấp, phản ánh cho cơ quan có thẩm quyền phải chính xác, trung thực và đầy đủ.

3. Cơ quan thụ lý tiếp nhận nội dung nguồn tin cung cấp, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua các hình thức:

- Trực tiếp gặp;
- Gửi văn bản;
- Qua điện thoại;
- Qua mạng thông tin điện tử và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY TRÌNH, HÌNH THỨC HỖ TRỢ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

Điều 6. Quy trình hỗ trợ chế độ, chính sách

1. Căn cứ vào văn bản của cơ quan thụ lý, có xác định mức độ thiệt hại về tài sản, mức độ thương tích và tổn hại về sức khỏe, tính mạng và có đề xuất hỗ trợ chế độ, chính sách cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân cho việc khám phá án thành công, trực tiếp tham gia vây bắt đối tượng có hành vi phạm tội quả tang.

2. Thời gian thực hiện hỗ trợ chế độ, chính sách không quá 07 ngày sau khi cơ quan thụ lý xác định được mức độ thiệt hại về tài sản, mức độ thương tích và tổn hại về sức khỏe, tính mạng của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân cho việc khám phá án thành công, trực tiếp tham gia vây bắt đối tượng có hành vi phạm tội quả tang.

Điều 7. Hình thức hỗ trợ chế độ, chính sách

1. Trường hợp cá nhân khi tham gia vây bắt tội phạm mà bị hư hỏng, thiệt hại tài sản, phương tiện thì sẽ được hỗ trợ chi phí sửa chữa thực tế theo giá trị tài sản bị hư hỏng, thiệt hại.

2. Trường hợp cá nhân khi tham gia vây bắt tội phạm bị thương tích, tổn hại về sức khỏe, tính mạng thì bản thân và gia đình sẽ được hỗ trợ chi phí điều trị và được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUY TRÌNH, HÌNH THỨC, THỦ TỤC KHEN THƯỞNG

Điều 8. Quy trình khen thưởng

1. Căn cứ vào văn bản ghi nhận thành tích và đề nghị của cơ quan thụ lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích trong việc

tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân cho việc khám phá án thành công, trực tiếp tham gia vây bắt đối tượng có hành vi phạm tội quả tang.

2. Thời gian thực hiện khen thưởng không quá 07 ngày sau khi cơ quan thụ lý xác định được giá trị của nguồn tin, thông tin của người trực tiếp tham gia vây bắt đối tượng có hành vi phạm tội quả tang.

3. Trường hợp đặc biệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định khen thưởng đột xuất tương xứng với thành tích của người cung cấp nguồn tin, người trực tiếp tham gia vây bắt đối tượng có hành vi phạm tội quả tang.

Điều 9. Hình thức khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận thực hiện việc cấp Giấy khen và tiền thưởng theo đúng chế độ quy định của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Ngoài hình thức và mức khen thưởng quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, trong một số trường hợp cụ thể, mức khen thưởng được quy định như sau:

1.1. Cung cấp nguồn tin có giá trị giúp Công an khám phá hoặc trực tiếp tham gia vây bắt đối tượng có hành vi phạm tội quả tang cho mỗi vụ:

- Trộm cắp tài sản, được thưởng 300.000 đồng;
- Đối tượng có lệnh truy nã, trốn trường trại, được thưởng 300.000 đ;
- Cướp giật tài sản, được thưởng 400.000 đồng;
- Cướp tài sản, được thưởng 500.000 đồng.

1.2. Cung cấp nguồn tin có giá trị giúp Công an khám phá việc mua bán, vận chuyển, tàng trữ hoặc chứa chấp, tổ chức sử dụng, sử dụng trái phép các chất ma túy:

1.2.1. Cung cấp nguồn tin có giá trị giúp Công an khám phá việc mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép các chất ma túy:

- Các chất ma túy có trọng lượng dưới 50 gram, được thưởng 300.000 đ;
- Các chất ma túy có trọng lượng từ 50 gram đến dưới 100 gam, được thưởng 500.000 đ;
- Các chất ma túy có trọng lượng trên 100 gram, được thưởng 1.000.000 đ.

1.2.2. Cung cấp nguồn tin có giá trị giúp Công an khám phá việc chứa chấp hoặc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, được thưởng 300.000 đ.

1.2.3. Cung cấp nguồn tin có giá trị giúp Công an bắt đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, được thưởng 300.000 đ.

1.3. Cung cấp nguồn tin có giá trị giúp Công an khám phá các vụ vi phạm kinh tế:

- Kết quả thu hồi về mặt kinh tế có giá trị dưới 50 triệu đồng, được thưởng 400.000 đ;

- Kết quả thu hồi về mặt kinh tế có giá trị từ 50 triệu đến dưới 100 triệu đồng, được thưởng 500.000 đ;

- Kết quả thu hồi về mặt kinh tế có giá trị từ 100 triệu đến dưới 200 triệu đồng, được thưởng 1.000.000 đ;

- Kết quả thu hồi về mặt kinh tế có giá trị từ 200 triệu đến dưới 500 triệu đồng, được thưởng từ 2.000.000 đến 3.000.000 đ;

- Kết quả thu hồi về mặt kinh tế có giá trị trên 500 triệu đồng, được thưởng từ 5.000.000 đến 10.000.000 đ.

2. Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc phát hiện, trực tiếp tham gia vây bắt tội phạm, có tầm ảnh hưởng rộng, tài sản thu hồi có giá trị lớn hơn với các quy định tại điểm 1.2 và 1.3 khoản 1 Điều 9 của Quy chế này thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có hình thức khen và mức thưởng cao hơn.

3. Kinh phí khen thưởng cấp quận được trích từ Quỹ thi đua khen thưởng của quận.

Điều 10. Thủ tục khen thưởng

1. Văn bản báo cáo kết quả xác minh, kiểm tra, hoặc điều tra vụ việc và quyết định xử lý tội phạm; báo cáo kết quả thu hồi về mặt kinh tế.

2. Văn bản đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân có tóm tắt thành tích, đề nghị hình thức khen và mức thưởng.

3. Thủ tục đề nghị từ Giấy khen Ủy ban nhân dân quận trở lên gửi Ban Chỉ đạo về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội quận xem xét; Trưởng Công an quận (Thường trực Ban Chỉ đạo về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội quận) có văn bản đề nghị Phòng Nội vụ (Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

4. Trường hợp có thành tích xuất sắc, Thường trực Ban Chỉ đạo về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội quận xem xét và Trưởng Công an quận phối hợp Phòng Nội vụ lập thủ tục đề Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm thực hiện

1. Thường trực Ban Chỉ đạo về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội quận trực tiếp đề nghị hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đề nghị khen thưởng đối với tập thể, cá nhân.

2. Trưởng Công an quận là đầu mối theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế về hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm; có trách nhiệm lập thủ tục, tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng; bảo đảm điều kiện thực hiện việc khen thưởng quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy chế; triển khai, quán triệt trong ngành việc thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

3. Trưởng Phòng Nội vụ (Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận), Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm thực hiện việc khen thưởng theo chế độ quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và mức thưởng quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường, Thủ trưởng các phòng, ban có trách nhiệm phối hợp với Thường trực Ban Chỉ đạo về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội quận đề nghị biểu dương, khen thưởng kịp thời tập thể, cá nhân có thành tích trong việc tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong phòng chống các loại tội phạm, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Thường trực Ban Chỉ đạo về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội quận có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân quận xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trương Văn Non

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng